

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2023/HS-ST

Ngày: 27/9/2023

(Án điểm)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thanh Nhân

- Ông Nguyễn Huy Lâm

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông Trần Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn C** (tên gọi khác: không); sinh ngày 05/12/2004, tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo đầu thú ngày 23/6/2023, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Hoàng Việt A, sinh ngày 01/11/2005; nơi cư trú: số 58, phố Đ, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Việt A: anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1971; nơi thường trú: thôn 3, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (là bố đẻ cháu Việt A). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

+ Chị Mai Thị Thanh H, sinh năm 1983; nơi cư trú: khu 6, phường H, thành phố

M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ Cháu Bùi Thị Hồng N, sinh ngày 18/8/2007; nơi cư trú: thôn T, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng cháu Bùi Thị Hồng N: chị Bùi Thị H, sinh năm 1985; nơi thường trú: thôn T, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (là mẹ đẻ cháu N). Vắng mặt.

Người chứng kiến:

+ Chị Lê Thị L, sinh năm 1982; nơi cư trú: khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ Anh Đỗ Minh V, sinh năm 2001; nơi cư trú: khu 3, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 14 giờ ngày 20/6/2023, Phạm Văn C được Hoàng Việt A (sinh ngày 01/11/2005, trú tại: phố Đ, phường T, thành phố M) gọi điện thoại hỏi mua 01 túi ma túy cần sa để sử dụng. C nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại cho Việt A kiếm lời nên hẹn khi nào có ma túy sẽ thông báo. Sau đó, C nói với bạn gái là Bùi Thị Hồng N (sinh ngày 18/8/2007, trú tại: thôn T, xã V, thành phố M) về việc Việt A hỏi mua ma túy cần sa và bảo N giúp C việc nhắn tin với Việt A, sử dụng tài khoản ngân hàng của N nhận tiền mua ma túy vì C không biết chữ, N đồng ý.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/6/2023, C và N đến chơi điện tử tại quán “xóm H” ở thôn B, xã V, thành phố M. Trong khi chơi, C một mình đến gặp đối tượng (theo C khai tên là Hoàng Văn T, sinh năm 1999, trú tại: thôn Đ, xã V, thành phố M, cũng đang chơi điện tử tại quán), thỏa thuận mua của T 01 túi ma túy cần sa với giá 300.000đ. Sau khi thỏa thuận, C gọi điện thoại cho Việt A thông qua ứng dụng Messenger thông báo giá bán 01 túi cần sa là 500.000đ. Việt A đồng ý mua và bảo sẽ chuyển khoản trước số tiền 300.000đ, khi nào nhận được ma túy sẽ trả nốt 200.000đ. Lúc này, C bảo N nhắn tin số tài khoản ngân hàng của N cho Việt A để nhận tiền mua ma túy, nhưng sau đó C lại thay đổi ý định nên đưa chiếc điện thoại di động của C cho T để T trực tiếp nhắn số tài khoản ngân hàng của T cho Việt A. Khoảng 05 phút sau, Việt A chuyển khoản số tiền 300.000đ vào tài khoản của T và gửi hình ảnh chuyển tiền cho C. Lúc này, T gọi C ra cửa quán, đưa cho C 01 túi ma túy cần sa. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Việt A đến trước cửa quán điện tử, C giao cho Việt A túi ma túy và nhận từ Việt A số tiền 200.000đ. Số ma túy mua được, Việt A đã sử dụng hết. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Việt A gửi vào tài khoản ngân hàng của N số tiền 100.000đ rồi nhắn tin cho C biết đây là số tiền Việt A cho thêm C, đồng thời Việt A hỏi mua thêm 03 túi ma túy cần sa.

Khoảng 14 giờ ngày 22/6/2023, C và N tiếp tục đi đến quán điện tử “xóm ” chơi điện tử. Tại đây, C một mình gặp và thỏa thuận mua của T 02 túi ma túy cần sa, với giá 500.000đ/01 túi. Tiếp theo, C gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger cho Việt A thông báo chỉ có 02 túi cần sa, giá mỗi túi ma túy là 700.000đ. Việt A đồng ý mua và chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của N 02 lần với tổng số tiền là 1.300.000đ, còn

lại 100.000đ sẽ trả khi nhận được ma túy, đồng thời hứa sẽ cho C thêm 100.000đ. Sau khi nhận được tiền, C bảo N chuyển khoản cho T số tiền 1.000.000đ. Đến khoảng 13 giờ ngày 23/6/2023, tại trước cửa quán điện tử “xóm H”, T giao cho C 01 túi ma túy cần sa và hẹn 01 túi ma túy còn lại sẽ giao sau. Sau khi mua, C bảo N mang túi ma túy này đi giao cho Việt A và nói với Việt A sẽ giao túi ma túy còn lại vào buổi tối. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, N đón taxi đi đến quán nước 199x ở khu 2, phường H, thành phố M, gặp và giao cho Việt A 01 túi ma túy cần sa rồi nhận từ Việt A số tiền 200.000đ, thì bị Tổ công tác của Công an phường H phối hợp với Công an phường T, thành phố M kiểm tra phát hiện; thu giữ của Việt A: 01 túi nilon kích thước (4x4)cm, miệng túi có khoá kẹp nhựa, bên trong chứa thực vật khô và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0936.794.534; thu giữ của N: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn hai sim số 0399.871.065 và 0961.471.930, số tiền 200.000đ.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, C nhận được 01 túi ma túy cần sa do T giao tại quán điện tử “xóm H”. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, biết hành vi phạm tội đã bị phát hiện nên C đến Công an phường T đầu thú, giao nộp 01 túi nilon kích thước khoảng (4x4)cm, miệng túi có khoá kẹp nhựa, bên trong chứa thực vật khô.

Tại bản Kết luận giám định số: 894/KL-KTHS ngày 30/6/2023, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: mẫu vật trong 01 túi nilon thu giữ của Hoàng Việt A là ma túy, loại cần sa, có khối lượng là 0,811g (không phải tám một một gam). Mẫu vật trong 01 túi nilon thu giữ của Phạm Văn C là ma túy, loại Cần sa, có khối lượng là 0,871g (không phải tám bảy một gam).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có lời khai như nội dung vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Việt A và người làm chứng cháu Bùi Thị Hồng N vắng mặt nhưng có lời khai trong hồ sơ phù hợp với nhau. Ngoài ra, còn phù hợp với lời khai của bị cáo Phạm Văn C có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

Người chứng kiến anh Đỗ Minh V, chị Lê Thị L vắng mặt nhưng đều có lời khai trong hồ sơ vụ án phù hợp với nhau thể hiện: khoảng 14 giờ ngày 23/6/2023 anh V, chị L được lực lượng Công an mời chứng kiến việc kiểm tra hành chính một người nam thanh niên tên là Hoàng Việt A, sinh năm 2005, trú tại: xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh và một người con gái tên là Bùi Thị Hồng N, sinh năm 2007, trú tại: thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh đang đứng ở trước cửa quán T 199x, khi được lực lượng Công an yêu cầu tự bỏ đồ đạc có trên người ra để kiểm tra thì anh V, chị L đều thấy anh Việt A lấy từ trong túi đeo trên người ra 01 (một) túi nilon trong suốt, miệng túi có khoá kẹp nhựa, kích thước khoảng (5x5)cm, bên trong túi chứa thực vật khô là ma túy cần sa, do anh Việt A vừa mua được của chị N, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Tại bản Cáo trạng số: 83/CT-VKS-MC, ngày 11/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo Phạm Văn C. Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào: điểm b, e khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Phạm Văn C từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/6/2023.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn C.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 1,55g (một phẩy năm lăm gam) từ M1 đến M2 đều là ma túy, loại cần sa được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. Mặt trước phong bì ghi: “mẫu vật hoàn lại kèm theo kết luận giám định số: 894/KL-KLHS ngày 30/6/2023”. Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, bên trong lắp 02 sim, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, bên trong lắp 01 sim, máy đã qua sử dụng; 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước 1.900.000đ (một triệu, chín trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố bị cáo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và giữ thái độ im lặng không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như vật chứng đã thu giữ; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận khoảng 15 giờ ngày 21/6/2023, tại thôn B, xã V, thành phố M, Phạm Văn C có hành vi sử dụng Bùi Thị Hồng N (sinh ngày 18/8/2007) vào việc liên lạc, nhận tiền giúp C để bán 01 túi ma túy cần sa cho Hoàng Việt A với giá 500.000đ. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 23/6/2023, tại khu 2, phường H, thành phố M, Phạm Văn C có hành vi sử dụng Bùi Thị Hồng N vào việc bán 0,811g (không phẩy tám một một gam) ma túy cần sa cho Hoàng Việt A với giá 1.400.000đ. Ngoài ra, C còn có hành vi tàng trữ 0,871g (không phẩy tám bảy một gam) ma túy cần sa nhằm mục đích để bán. Hành vi của bị

cáo Phạm Văn C đã cấu thành tội “mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ở địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi nhận thức rõ tác hại của ma túy, vì động cơ vụ lợi và để thỏa mãn nhu cầu riêng của bản thân bị cáo đã cố ý cất giấu trái phép chất ma túy sau đó sử dụng N là người dưới 16 tuổi bán trái phép chất ma túy cho người khác để kiếm lời, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy cần xử lý nghiêm, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng ngừa chung.

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết ấn định mức hình phạt nghiêm trọng trong khung đã truy tố đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Sau khi giám định, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh hoàn lại Cơ quan CSĐT Công an thành phố M là 1,55g (một phẩy năm lăm gam) từ M1 đến M2 đều là ma túy, loại cần sa kèm theo kết luận giám định số: 894/KL-KLHS ngày 30/6/2023 theo đúng quy định của pháp luật là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, bên trong lắp 02 sim số 0399.871.065 và 0961.471.930, máy đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Thị Hồng N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, bên trong lắp 01 sim số 0936.794.534, máy đã qua sử dụng thu giữ của Hoàng Việt A đây là công cụ,

phương tiện bị cáo C đưa cho Bùi Thị Hồng N sử dụng vào việc phạm tội, Việt A dùng để liên lạc mua ma túy cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) do N bán ma túy hộ C cho Việt A mà có nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 1.900.000đ (một triệu, chín trăm nghìn đồng) do bị cáo C bán ma túy mà có nhưng bị cáo đã tiêu xài hết số tiền trên. Vì vậy, cần buộc bị cáo C nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm: cần buộc bị cáo Phạm Văn C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với Bùi Thị Hồng N (sinh ngày 18/8/2007) chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi bán ma túy theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật hình sự, Công an thành phố M đã lập hồ sơ để ra Quyết định xử phạt hành chính, nên không đề cập xử lý.

Đối với Hoàng Văn T, qua xác minh hiện không có mặt tại nơi cư trú, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để khởi tố đối với Trong về tội “mua bán trái phép chất ma túy” nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án, tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau, nên không đề cập xử lý.

Đối với Hoàng Việt A có hành vi mua ma túy để sử dụng, tuy nhiên số ma túy mua đã sử dụng hết hoặc chưa đến mức xử lý về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, nên Công an thành phố M đã lập hồ sơ để ra quyết định xử phạt hành chính, nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Phạm Văn C** phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy”;

Căn cứ vào: điểm b, e khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phạm Văn C 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/6/2023.

*. Về vật chứng và xử lý vật chứng: căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 1,55g (một phẩy năm lăm gam) ma túy, loại cần sa được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. Mặt trước phong bì ghi: “mẫu vật hoàn lại kèm theo kết luận giám định số: 894/KL-KLHS ngày 30/6/2023”;

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 868683042700819, số IMEI 2: 868683042700801, bên trong lắp 02 sim số 0399.871.065 và 0961.471.930, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, số IMEI: 056772088900828, bên trong lắp 01 sim số 0936.794.534, máy đã qua sử dụng; 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

(tình trạng số vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng số:

114/2023/THA, ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh và Cơ quan CSĐT Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh).

- Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước 1.900.000đ (một triệu, chín trăm nghìn đồng) của bị cáo Phạm Văn C.

*. Về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố M;
- CQĐT Công an thành phố M;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố M;
- Thi hành án HS+DS;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương